

Bản án số: 98/2024/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/7/2024

Về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Đặng Thanh Sang**

Các Hội thẩm nhân dân: Bà **Phạm Hồng Gái**

Ông **Nguyễn Văn Đoạt**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Ngọc Diệp** - Thư ký TAND huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn đất tham phiên tòa: Không.

Ngày 04 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 268/2024/TLST- HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về việc: “*Xin ly hôn và nuôi con chung*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 100/2024/QĐST - HNGĐ, ngày 19 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Thị T**, sinh năm 2004 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang**

Bị đơn: Anh **Danh N**, sinh năm 2001 (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: **khu phố S, thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang**

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị **Thị T** trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị **Thị T** và anh **Danh N** tự tìm hiểu yêu thương nhau, sau đó được hai bên gia đình đồng ý tổ chức đám cưới theo phong tục truyền thống, có đăng ký kết hôn và được **UBND thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/10/2022. Thời gian đầu, vợ chồng sống rất hạnh

phúc, nhưng thời gian gần đây thì xảy ra mâu thuẫn do anh **N** tính tình thay đổi, thường hay ăn nhậu, bạo lực chị **T** và còn đập phá đồ đạc, không quan tâm chăm sóc gia đình, vợ con. Chị **T** đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng anh **N** vẫn không thay đổi mà còn bạo lực chị **T** nhiều hơn. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn được. Do đó, chị **Thị T** yêu cầu được ly hôn với anh **Danh N**.

- Về con chung: Chị **Thị T** và anh **D** Nghi có 01 người con chung tên **Danh T1**, sinh ngày 02/3/2023 hiện đang ở với chị **T**. Sau khi ly hôn chị **Thị T** yêu cầu được nuôi dưỡng con chung đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh **N** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị **Thị T** và anh **Danh N** không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết;

- Về nợ chung: Chị **Thị T** và anh **Danh N** không có nợ ai và cũng không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại biên bản tự khai ngày 10/6/2024 anh **Danh N** trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Anh **Danh N** và chị **Thị T** tự nguyện tìm hiểu yêu thương, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang vào ngày 20/10/2022. Quá trình chung sống với chị **T** ban đầu hạnh phúc, nhưng về sau xảy ra mâu thuẫn do cuộc sống vợ chồng không hòa hợp, thường xuyên cãi nhau do mâu thuẫn kinh tế. Vợ chồng nhiều lần bàn bạc để hàn gắn tình cảm nhưng không thành. Nay anh **N** xét thấy tình cảm vợ chồng với chị **T** không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị **T** yêu cầu ly hôn thì anh cũng đồng ý ly hôn với chị **Thị T**.

- Về con chung: Trong thời kỳ hôn nhân anh **N** và chị **T** có 01 người con chung tên **Danh T1**, sinh ngày 02/03/2023 hiện đang ở với chị **T**. Anh **N** đồng ý giao con chung cho chị **T** trực tiếp nuôi dưỡng và anh **N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Anh **N** và chị **T** không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Anh **N** và chị **T** không có nợ ai, nên anh **N** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] *Về thẩm quyền*: Theo nội dung đơn xin ly hôn của chị **Thị T** thì đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, bị đơn trong vụ án có nơi cư trú tại **khu phố S, thị trấn S, huyện H** nên quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ án thuộc thẩm giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

[2] *Về thủ tục tố tụng*: Chị **Thị T** và anh **Danh N** có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại các Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án:

[3.1]. *Về hôn nhân*: Chị **Thị T** và anh **Danh N** là vợ chồng hợp pháp do có đăng ký kết hôn và được **UBND thị trấn S, huyện H, tỉnh Kiên Giang** cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 20/10/2022. Điều đó phù hợp với Giấy chứng nhận kết hôn của chị **T** và anh **N** mà chị **T** đã giao nộp tại hồ sơ vụ án. Nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Quá trình chung sống giữa chị **Thị T** và anh **Danh N** phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Chị **T** và anh **N** đã nhiều lần cố gắng hàn gắn nhưng không được. Điều này đã được chị **T** và anh **N** thừa nhận. Nay chị **T** yêu cầu ly hôn thì anh **N** cũng đồng ý, không có nguyện vọng hàn gắn tình cảm vợ chồng. Vì vậy, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình xét thấy hôn nhân ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Thị T** và anh **Danh N**.

[3.2] *Về con chung*: Chị **Thị T** và anh **D** Nghi có 01 người con chung tên **Danh T1**, sinh ngày 02/3/2023 hiện đang ở với chị **T**. Chị **T** có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng các con đến tuổi trưởng thành. Hội đồng xét xử thấy rằng cháu **T1** từ trước đến nay đều sống với chị **T**, do chị **T** chăm sóc, nuôi dưỡng và anh **N** cũng đồng ý với yêu cầu này của chị **T** nên Hội đồng xét chấp nhận yêu cầu của chị **T**.

[3.3] *Về cấp dưỡng nuôi con*: Chị **Thị T** không yêu cầu anh **Danh N** cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy đây là sự tự nguyện của chị **T** nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xét.

[3.4] *Về tài sản chung*: Chị **Thị T** và anh **Danh N** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.5] *Về nợ chung*: Chị **Thị T** và anh **Danh N** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3.6] *Về án phí hôn nhân và gia đình*: Chị **Thị T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 271, Điều 277, Điều 278 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Khoản 1 Điều 51, Điều 55; Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1. *Về hôn nhân:* Ghi nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị **Thị T** và anh **Danh N**.
2. *Về con chung:* Giao cho chị **Thị T** được trực tiếp nuôi dưỡng 01 người con chung tên **Danh T1**, sinh ngày 02/3/2023 cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi.
Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Anh **Danh N** không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh **Danh N** có quyền được thăm nom, chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3. *Về tài sản chung:* Chị **Thị T** và anh **Danh N** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

4. *Về nợ chung:* Chị **Thị T** và anh **Danh N** không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

5. *Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm:* Chị **Thị T** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0001108 ngày 23/5/2024 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Theo đó chị **Thị T** không phải nộp thêm.

6. *Quyền kháng cáo:* Báo cho nguyên đơn, bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TA tỉnh Kiên Giang;
- VKS nhân dân huyện Hòn Đất;
- UBND thị trấn Sóc Sơn;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ./.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đặng Thanh Sang

